



COTAB VIRGINIE

S. I. L. I. Saigon.

(Publication autorisée par arrêté du Gouverneur
Général N° 49-N du 17 Juillet 1942).

Le Gérant : HO-VAN KY-TRAN

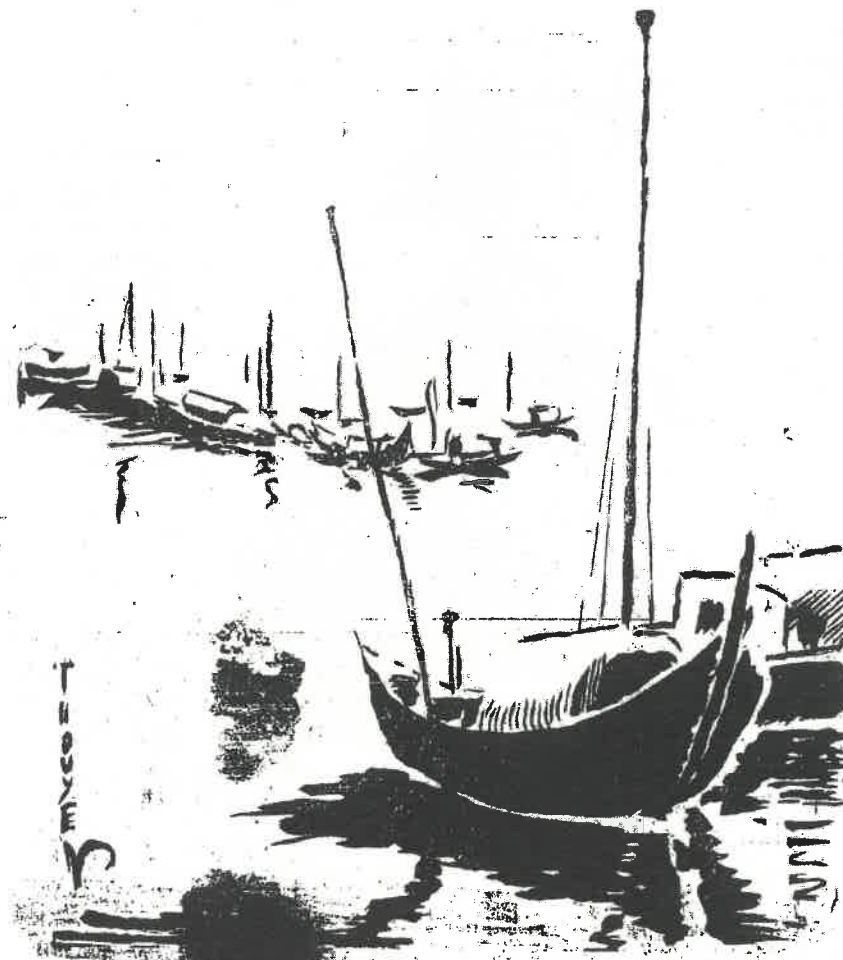
SỐ 82 — GIÁ 0\$30

NGÀY 4 MÃI 1944

Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *

BÀO QUẢN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



Bến Nghé cắm thuyền già đợi trẻ,
Sông Rông uốn khúc nước chào trăng.

Thông - điệp của quan Đô - đốc Thủy - sư

DECOUX

gởi cho người Pháp và người Đông-
Pháp nhơn dịp ngày 1^o Mai 1944

Hỡi người Pháp và người Đông-Pháp.

Hôm nay là lần thứ tư, bốn chức mời các người làm lễ ngày 1^o Mai. Dưới dấu hiệu của nền trật-tự mới, ngày ấy phải là ngày lễ Cẩn-lao mà ai ai cũng tự mình khứng nhận giữa sự hòa-bình và thỏa-hiệp các giai-cấp xã hội.

Vì dầu những giờ phút tang-kỵ và vô-định mà chúng ta đang trải qua có đau khổ đến đâu đi nữa, chúng ta cũng được an-ủi mà nhận thấy rằng lời kêu gọi của Thống - chế được đồng tình hưởng ứng tận cùng khắp xứ Đông-Pháp.

Mặc dầu những nỗi khó khăn dồn dập, mặc dầu những cuộc oanh - tạc sát - hại, không đo nơi một lý lẽ quân-sự nào, mà đã nhiều phen nhuộm máu xứ Bắc-kỳ và vừa rồi lại đến tàn phá nơi Trung-kỳ, xứ Đông-Pháp vẫn cứ làm việc, khởi lập,

thiệt-hành, chứng minh mỗi phút cái sanh-lực của mình, tỏ ra sự tin-nhiệm cho mọi người phải kính-phục.

Nhơn danh quan Thống-chế, bốn-chức cảm ơn những tay thợ tạo ra công nghiệp vĩ-dại ấy và để lời cảm tạ cùng tất cả những người đã hiều-nhiệm vụ mình và đã giữ sự yên lặng và kỷ-luật mà làm tròn bổn phận đối với quốc-

gia, mặc dầu ở giai-cấp nào, thuộc về văn-ban hay võ-biễn, vô danh hay hữu danh, sự hoạt động của họ có thuộc về kỹ-nghệ, canh-nông, thương-mãi hay về tự-do chức-nghiệp. Cả thảy đã phụng-sự một cách xứng đáng Pháp-quốc và Đế-quốc, và đã đem lại cho chúng

ta những lý lẽ tối hảo để ước mong những ngày vui đẹp hơn hết.

Hỡi người Pháp và người Đông - Pháp.

Các người hãy nhớ luôn rằng ngày lễ Cẩn-lao này trùng với ngày lễ Quan Thống chế.

Các người hãy nâng cao ý-tưởng đến vị mà trong ngày âm dương tháng Juin 1940 lia cánh hươu nhàn để cứu sự thống-nhứt của Tổ-quốc và thu-tập các năng-lực của nước Pháp. Hãy luôn luôn nhớ đến công-nghiệp phi-phàm mà vị Thủ-lãnh thiên - ban đã

gầy dựng từ bốn năm nay, được lịch-sử ghi chép trong lúc sinh-thoát và nhờ ngài mà có lẽ không bao lâu chúng ta lại thấy một Pháp-quốc là một Đế-quốc canh-lấn và các con cái sẽ đồng...

Ước vọng của vị tướng cao siêu của vị Anh-hùng... rọi sáng đường cho các người... người cho đến cùng!



Quan Thủy-sư Đô-dốc DECOUX

MỘT NGÀY CỦA

LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

Ngày ấy là ngày mùng 6 tháng 2 năm Qui-Mão (năm 43), ngày mà :
Cấm-Khê đến lúc hiểm nghèo,
Chỉ em thất thế, phải liều với sông.
(Lê-Ngô Cát).

Chỉ là bà Trưng - Trắc, em là bà Trưng-Nhi, con quan Lạc-trưởng ở huyện Mê-linh (nay là làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng, tỉnh Phú-yên), giòng dõi vua Lạc-Yương (Hùng-Vương). Mẹ hũy là Trần Thị-Đoan (Theo Trưng Vương Lịch sử của cụ Cúc Hương Hoàng thúc Hò).

Năm 19 tuổi, bà Trưng-Trắc kết duyên với ông Đặng Thi-Sách, quan lịnh ở huyện Châu-Điện (nay là phủ Vĩnh-Tường, trước kia thuộc về tỉnh Sơn-Tây, bây giờ thuộc về tỉnh Vinh-yên).

Hồi ấy nước Việt-Nam thuộc quyền đô hộ của nhà Đông-Hơn nước Tàu (năm 25 -- năm 220). Các quan thứ-sử, thái-thủ cai trị nước ta, duy có ông Nhâm-Điện dạy việc cây cấy, ông Tích-Quang dạy việc lễ nghi, cuối xin, ông Sĩ-Nhiếp đem nho-giáo dạy cho nước ta một nền văn-hóa mới, còn phần nhiều là bọn tham ô, Tàu tàn nhẫn độc ác vô cùng, khiến cho các từ-trưởng và dân chúng đều ta pha thiết xỉ.

Về đời vua Quang-Vô, thái-thủ quận Giao-Chỉ là Tô-Đĩnh đã quá tay sát hại nhiều người đang-vong. Ông Thi-Sách đưa thơ khuyên Tô-Đĩnh sửa đổi lại chân, thì

Tô-đĩnh không nghe và bắt ông đem giết. Năm ấy là năm Kỷ-hợi (năm 39).

Bà Trưng-Trắc mới cùng em là bà Trưng-Nhi, dựng cờ nghĩa chống lại nhà Hôn. Hai Bà lựa trong năm họ ở hàng ấp được 27 vị nữ đồng-sĩ, sau mộ thêm những người Mán, Mường bản giời, hiệp cùng với dân binh được 80.000 người. Ngày 7 tháng giêng năm Canh-tý (năm 40) hai Bà thảo diễn quân-sĩ ở bãi Trường-Xa, bên sông Bạch-Hạc (Vinh-Yên), rồi tiến quân đánh thành Liên-Châu, nơi phủ đô-hộ đóng.

Tô-Đĩnh phải chạy trốn về quận Nam-Hải. Những quận Cửu-Châu, Nhật-Nam, Hợp-Phố cũng nổi lên theo hai Bà. Chẳng bao lâu, hai

Bà hạ được 65 thành ở Lĩnh-Nam, bèn tự-xưng làm vua, hiệu là Trưng Vương, đặt tên là Triệu và đóng đô ở Mê-linh.

Vua Quang-Vô thấy thế lực của Trưng-Vương mỗi ngày một lớn, sợ lâu dần thành một mối lo ở phương Nam, năm Tân-sửu (năm 41) sai Mã-Viên làm Phục-Ba tướng-quân, Lưu-Long làm phó-tướng và Đoàn-Chỉ làm Lâu-thuyền tướng-quân sang đánh Trưng-Vương.

Mã-Viên là một danh tướng nhà Đông-Hôn, lúc đó đã ngoài 70 tuổi, nhưng vẫn còn mạnh, nhóm một quân 20.000 người ở gần Bắc-Hải (gần Hợp-Phố) định dùng 2.000 thuyền vượt biển sang đánh nước ta. Nhưng trong lúc sửa soạn, Đoàn-Chỉ chết, Mã-Viên phải đem quân men theo bờ biển, phá rừng đèo núi lùm đường mà đi. Mã-Viên dùng binh rất khôn khéo, nên đi tới đâu, các bộ lạc đều ra hàng hết, cho nên binh nhà Hôn đi-dàng tiến tới Mê-linh.

Hai Bà đem binh ra cự địch, giao chiến trận đầu, Mã-Viên thua to, phải rút quân về đóng ở gần hồ Lăng-Bạc. Mùa Xuân năm Qui-Mão, vua Quang-Vô ngầm sai viện binh 50.000 người sang giúp Mã-Viên. Mã-Viên lại đem quân tiến đánh; quân ta là quân ở-hợp, không đương nổi, nên bị đánh thua, Hai Bà phải rút tàn quân về giữ Mê-linh.

Lúc đó là mùa Hạ, Mã-Viên sợ lam chương, giao chiến không lợi, mới đóng binh lại dưỡng sức. Mùa thu năm ấy, Mã-Viên lại tiến quân đánh Mê-linh. Được địa thế hiểm trở, Hai Bà dùng lối du-kịch, hết sức giữ thành làm cho quân Hôn phải khó nhọc vất-vả. Sau Mã-Viên dùng mưu dụ được quân Nam đến Cấm-Khê (nay là phủ Vĩnh-Tường tỉnh Vinh-Yên) mới phá tan được. Hai Bà chạy đến xã Hát-môn thuộc huyện Phúc-lộc (nay là huyện Phúc-Tho, tỉnh Sơn-Tây), thấy thế bức quá, bèn gieo mình xuống sông Hát-Giang (chỗ sông Đáy tiếp vào sông Hồng-hà) mà tự tận (1). Bấy giờ là ngày 6 tháng 2 năm Qui-mão. (2)

Nhưng tướng của hai Bà là bọn Đô-Dương chạy vào giữ huyện Cư-Phong, thuộc quận Cửu-Châu, sau ra hàng Mã-Viên.

(1) Mã-Viên huyền của người Tàu và Anam chỉ lược của Lê-Tác chép : Mã-Viên đánh thắng quân Nam; hai bà họ Trưng bị chết tại trận, Mã-Viên chém đầu đem về Lạc-dương.
(2) Trong Trưng-Vương lịch-sử chép là ngày 8 tháng 3.

Mã-Viện bình được phương Nam, đem phủ-trị về đóng ở Mã-linh và dựng một cột đồng ở chỗ ranh giới, khắc sán chữ: « Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt (cột đồng gãy, Giao-chỉ hết giống). Sứ chép rằng: người qua lại đều bỏ vào chân cột một cục đá, lâu dần phủ mất cột, bấy giờ không biết ở đâu (1). Sau này, trong việc bang giao, sứ Tàu hay sang hỏi ta dấu tích cột đồng (2).

Theo thần tích làng Hạ-lôi và bia ở đền Hai Bà, sau khi gieo mình xuống sông, hai Bà hóa thành tượng đá, tượng trôi vào địa phận làng Đồng-nhân. Dân làng lập đền thờ ở xứ Vườn-Tịch trên bãi sông, vào năm Đại-Định thứ 3 (năm 1142) đời vua Anh-Tôn nhà Lý. Về sau, nước sông Hồng-hà lên to, đá vỡ, lên đò, dân làng dựng đền mới ở thôn Hương-Viên, làng Đồng-nhân, vào năm Tự-Đức nguyên niên (năm 1848), tức là đền hai Bà gần Hà-Nội bây giờ. Mỗi năm, tới ngày 6 tháng 2 ta, làng có mở hội lớn kỷ-niệm.

Làng Hát-Môn cũng dựng miếu thờ hai Bà, bên trong đền, trông ra sông Hát. Trên đền di xuống, có bức đá gỗ-ghè, ta thấy hai câu đối, trên cột có hai câu đối:

**Đông-tru chiết, hoàn, Giao lãnh trử,
Cấm-khê thanh-hạ, Hát-Giang trường.**

(Cột đồng còn, gãy, núi Giao voi,
Khe Cấm đầy, voi, sông Hát giới).

Hai bên cửa tam quan có hai bia đá, một bia đá mở hết chữ, một bia khắc tên những người góp tiền trùng tu miếu. Kề tới một sân rộng, có nhiều cổ thụ. Hai bên sân có nhà giải vũ để những đồ từ khí. Những đồ từ khí không có gì là đồ xưa, có hai cổ kiệu làm theo kiểu đế vương như ta thấy ở Huế. Qua sân vào tới bãi đường. Bãi đường có ba gian, hai chái, trong treo nhiều hoành phi câu đối. Một tấm hoành khắc 4 chữ:

**Lạc Hùng chánh thống
(Giòng chánh Lạc Hùng)**

Trong hết là nội cung. Nội cung không có thần tượng chỉ có lòng bài. Có hai câu đối:

**Nam-sử thủy phương, ưê vạn dị
hình hương, chiêu thánh đức;
Nữ-trung xung kiệt, ngũ thập
thành khôi phục, vĩ thần công.**

(Sử Việt tiếng thơm, ngàn muôn thuở dựng hình, sáng ngời thánh đức.
Phấn son nghiệp đế, năm mươi thành cướp lại, lừng lẫy thần công).

Ngoài hiên có hai câu đối:

**Vũ-trụ bất phong trần: bắc nam
lưỡng quốc.**

**Cương thường nhi đồng cảm:
tử muội nhất môn.**

(Vũ trụ chẳng gió bụi: bắc nam hai nước.
Cương thường mà đồng cảm: chị em một nhà).

Miếu dựng lên từ hồi nào không biết, duy ở bia đá cổ khắc: Tự-Đức 35 trùng tu

(làm lại năm Tự-đức thứ 35).

Theo lời các ông già trong làng, ở làng Hát-Môn có 3 kỳ mở hội kỷ-niệm hai Bà: 10 ngày 5 và 6 tháng 3 ta là ngày tiệc (hội); 20 ngày 4 tháng 9 ta là ngày húy nhật; 30 ngày 24 tháng chạp ta là ngày rước Long-Bà ra sông Hát làm lễ mộc dục (tắm rửa).

Muốn thăm miếu Hát, đi từ Hà-nội thì theo đường thuộc-địa lên Sơn-Tây, khỏi cây số 26, bên tay mặt đi quặt vào có đường đê đất, mùa nắng có thể đi xe hơi được 7 cây số rồi đi bộ cây số; mùa mưa, phải đi bộ 5 cây số. Gần miếu có cây cao bóng mát làm chỗ nghỉ chân. Miếu này đã ghi vào sổ-miếu do trường Pháp-quốc Viễn-dông (Bắc cổ) trông nom.

Du khách đứng trên đê, trông ra sông Hát, nhìn ngoảnh lại một tòa cổ miếu ẩn hiện sau lũy tre xanh, mà không khỏi ngậm-ngùi...

Sư-gia Lê-văn-Huu nói rằng: « Trung-Trắc, Trung-Nhị là dân-bà nổi lên đánh lấy được 65 thành trì, lập quốc xưng vương đề như trở bàn tay. Thế mà từ cuối đời nhà Triệu cho đến đời nhà Ngô hơn một nghìn năm, người mình cứ cúi đầu bó tay làm tôi tớ người Tàu mà không biết xấu hổ với hai người dân-bà họ Trưng (3). Nhưng mà, hồ mây rầu cho nhân thế, tức là mở mắt mắt cho giang sơn: những thời đại tự chủ Đinh Lê, Lý, Trần... há chẳng phải nảy mầm ở ngày sông Hát ra đó sao?

Phượng-Lan nữ-sĩ.

**Phụ lục hai bài thơ vịnh
Trưng Vương**

Giúp dân dẹp loạn, giả thủ mình,
Chỉ rú cùng em kết nghĩa bình.
Tô-Định bay hờn vang một trận,
Linh-Nam mở cõi vững trăm thành.
Mới đây bảo vệ gia ơn rộng,
Đã đội hoa quan xuống phúc lành.
Còn nước, còn non, còn miếu mạo,
Nữ trang đệ nhất đứng tài danh.

Hồng-Đức quốc âm thi tập

Ứng Hòe Nguyễn Văn Tô sao lục
(Tri Tân số 133, trang 6)

II

Nghĩa Giông đá lên không,
Rừng Thanh voi chửa lỏng.
Nẫy chồi hoa nụ Lạc,
Nở mặt nước non Hồng.
Trăng tỏ gương hồ Bạc,
Mây tan dấu cột đồng.
Nền hương lòng cố-quốc,
Xin khẩn một nhời chung.

Các Hương Hoàng Thúc Hội.

(Bài thơ này được giải nhất, về kỳ thi văn thơ do một tờ báo ở Hà-nội tổ chức, hiện có khắc, cũng tại đền hai Bà ở làng Đồng-nhân).

(1) Cột đồng Đông-Hơn tìm dấu thấy, chỉ thấy Tây-hồ bóng nước gương. — Thái-Xuyên Hoàng-cáo-Khai.
(2) Sư-gia Launay báo là ở Hạp-phố.
(3) Trần-vương-Kim Việt-Nam sử-lược, quyển thượng trang, 31.

**Khảo cứu và
phong sự về
giòng moi ở
DÔNG-NAI THU'NG**

Ngải moi (tiếp theo)

K'NGAU thấy tôi lên mừng như bắt đặng vàng, nào gà vịt, rượu trà, có cái gì đem ra đãi cái nấy.

Tối hôm ấy, tôi tổ cáo nó nghe cái việc mà tôi muốn nhờ nó, lần đầu, nó làm thình thịch, sau vì nề quá nó mới bằng lòng và căn dặn rằng chỉ một mình tôi dùng chờ đừng trao cho ai mà phải tội.

Nó bảo tôi và em rề tôi nằm ở gian nhà ngoài mà ngủ đợi khi nào nó kêu dậy thì vào mà xin ngải và chịu phép (phép dzaung).. Tôi vâng lời cùng em rề tôi nằm xuống và vì đi đường xa mệt mỏi, tôi cũng bỏ thức thức ngủ quên lúc nào không hay...

Độ nửa đêm, tôi bị đánh thức và thấy « K'ngau » ra đứng theo tôi. Lúc này trông nó khác hẳn đi, đầu quấn khăn đỏ, miệng đeo da trâu, cao lớn dĩnh dảng hơn lúc thường.

Tôi rón rén đi sau nó vào giữa trong. Vừa dở tấm đệm gai bước vào, tôi thấy giun mình, mọt ốc cùng mình. Trên bàn dựa vào có để một hình nhon bên bằng sơn, miệng rộng toát, mắt trợn ngược, râu ria, một tay cầm gió mây dựng lúc ngủ gói nhỏ gói lớn, bùa, ngải, một tay nắm chà gạt, mình mây chấp nối bằng vải xanh, đỏ, vàng, đen. Sau ngọn đèn sáng rực, gỗ trầm xông khói lẹo mù-mịt và trên cái ghế ba chơn để trước bàn thờ, có một con gà đen, một cái dao sắc lẹm và một đĩa đầy gạo muối..

K'ngau lấy một que gỗ, giống như cây nham « tu hú » của ta, đốt lên, cái vào mép tai, rồi ngồi bẹp xuống sàn, xếp bằng tròn, chống hai tay lên đầu gối rồi đọc mơ hồ một bài kệ, nghe như xa như gần, lạnh lùng và khô khốc.

... Ô dzi, ô dzi, màn pa...
Cà nga, cà ngạch, lảng pha...
Pin sanh mê tổ, broi, brr... hé... ha...
Min cò đăm, min cò đăm, ở dzang...

Thình thoảng, nó lại chỉ vào tôi và đọc nữa cho đến gần một tiếng đồng hồ như vậy.

Bỗng nó nhảy dựng lên, rút lấy cây sắt nhọn ở trên bàn (ôi, thưa các ngài, hiện bây giờ nước đến tôi cũng vẫn còn rùng mình) đâm vào má nó, hên này lưng qua bên kia mà không thấy máu, rồi chấp tay bắt quyết và hét lên, chụp lấy dao chặt đầu con gà cho máu nhỏ vào đĩa gạo muối...

Lúc bấy giờ, mấy ngọn đèn càn lung lay phum phụt và không phải quang mắt đâu, tôi thấy cái hình nhon kia, mắt như nhấp nháy, như cũ động, râu ria như vánh ngược lên, mây lá giấy về rần-rực treo trên vách cùng với khói trầm xông lên như nháy múa rơ màng. Tôi nghe như có tiếng hú, tiếng rên, tiếng gào và... sau K'ngau bật lên cười khan, lấy đĩa muối gạo đâm máu gà vãi ra tứ phía rồi... thình thịch, mấy ngọn đèn tắt phụt, tôi nghe có tiếng nghiêng răng ken két, tiếng móng, tiếng vút và tiếng sắt đồng rộn rã khắp nơi tôi thấy bản lạng cả tinh thần, cơ thể như không biết dựa vào đâu cho khỏi ngã, mãi sau nhờ có K'ngau, cái người vừa mới trực tiếp giao thiệp cùng thành, thần, ma, quỷ, bấy giờ hiền lành đưa tay diu lấy tôi ra nhà ngoài, tôi mới thở được nhẹ nhàng và trời ơi... tôi tưởng như vừa qua một giấc mơ ghê gớm!

Sáng hôm ấy, tôi cùng em rề tôi xuống núi với một gói cau ở trong có một lát ngải, lâu ngày đã ám khói đen thui; ngày kh: đến nhà, chúng tôi bị mặt mài ra cho vào buồng trong ngời ở khe cửa dóm ra, kiểu tâm chờ...

Chừng 2 tiếng đồng hồ, tôi thấy con ở đàng ngời may áo trước ngọn đèn con, tự nhiên ngập lên 2, 3 cái, nước mắt lưng mui đổ ra dàn dựa, giun mình, cặp mắt lác liên dờn dác, ngó tả ngó hữu, xoay trước xoay sau, rồi bước xuống vác đi ra nhà sau. Đi ngang buồng tắm, nó ngừng lại, nhìn một chớp rồi lại ngập ngừng đi ra sau vườn, lại gục một cây đi, ngồi xuống, hai tay ra sức cào đất. Mười phút qua, nó mọc lên một cái

hộp thiếc mà tôi có thể biết rằng ở trong
dụng cây kiền vàng của em gái tôi...

Nó đập đất lại, đi vô, nhưng chừng mười
bước, hình như tiếc của, nó lại quay lưng,
định giấu lại, nhưng bỗng nó lao đảo vật vờ,
mặt mày đỏ au cả lên, tóc tai xổ ra rối bù...
Nó xô đại cửa ra và rầm chạy vào bên tôi và
hai vợ chồng em tôi, nhào đại xuống, lay
như tể sao, nói câu được câu mất:

— Lay thấy hai, lay chú thiếm, tôi xin trả
cây kiền lại, tôi nghèo, tôi ham của, tôi
đại, tôi lấy của chú thiếm, chú thiếm tha
cho tôi, tôi không dám tham lam nữa... Trời
hành tôi, ông bà phạt tôi, tôi nóng nảy ruột
gan quá, tôi không biết gì hết. Tôi xin chừa,
chú thiếm tha cho tôi... Lay thấy, thầy nói
giùm tôi... tôi...!

Nói xong nó ngả vật ra và ôm mặt kêu
như điên dại:

— Tôi lay ngài, tha thứ cho tôi, tôi không
dám... Tôi còn mẹ già... nghèo... tôi ham...
tôi xin chừa, tha cho tôi...

Thấy ngài mọi có nhiều năng lực, công
hiệu rõ ràng, thấy con ở bị vào một cảnh thế
thảm, em gái tôi nó là đàn bà, hay giận mà
cũng hay thương nên đưa mắt nhìn tôi như
nài nỉ tôi tha thứ... Tôi nín cười, rút lấy một
ly nước lã đưa ngay con ở, miệng lầm-rầm
đọc cái câu mà K'ngầu đã dặn nhỏ tôi trước
khi xuống núi:

— Ở dzàng, pa mìn chao, cliêu dzi xét;
nganh ty ôn my pin tài xe... ở dzàng!

Rồi phun nước lã vào mặt nó; hơi lạnh
thấm vào da thịt, rã được cái hành hạ của sự
mê mang, con ở lần lần trở lại sự bình tĩnh
và ngồi dậy, mở mắt ra, nhìn thấy tôi và chú
nó với cây kiền vàng, bất giác nó òa lên khóc...

Tôi và em về tôi đi ra để một mình em
gái tôi ở lại với nó, đêm ấy, nó khóc không
biết mấy lần vì những lời thuyết lý và tấm
lòng nhưn từ của em gái tôi đối với nó...

Nửa tháng sau, K'ngầu xuống nhà tôi, tôi
kể chuyện lại cho nó nghe, nó bảo rằng:

— Thứ ngài của đảng mọi tôi hay lắm mà
thầy! Đừng rói người, đến như các thú dữ
như cạp beo, nbai mà phun cũng cứng mình
mà ngã nữa. Thầy không thấy sao, voi bầy mà



Một cái máy đánh chữ

Ở Chicago người ta đã chế tạo một cái máy
đánh chữ không-lỗ.

Những chữ nhỏ hơn bết do được tám chục
phần tây (80cm) bề cao; những chữ lớn nhất
cao đến ba thước (3m).

Cái máy chữ này để trong một căn nhà riêng,
bề cao: 60m; bề ngang: 120m; bề dài: 200m
và cử-dộng bằng điện-lực.

Người ta dùng nó để in những quảng-cáo lớn
quá sức tưởng-tượng của chúng ta ở ngoài châu
Mỹ. Mà nhất là để in những quảng-cáo cho
xưởng làm máy chữ hiệu này, thường ngày sản-
xuất những máy nhỏ, một cỡ với máy chững
ta hay dùng.

Một cách giải trí

Sau khi xem chớp ảnh và đã mục-kích một
tai Fan xe hơi ghê-sớm, trong đó chiếc xe bị từ
trên núi nhào lăn xuống ở sâu, một ông vua
cư-phủ bên xứ Kelangor (Ấn-độ) đòi các quan
tử-tùng và dạy phải làm cách nào biểu diễn một
cái tai-nạn thiệt giống như trong màn chớp ảnh
cho mình coi. Tốn hao bao nhiêu không cần!

Chúng ta thử nghĩ những nỗi khó-khăn để sắp-
đặt một cái tai nạn như tạo theo ý muốn của
nhà vua!

Nhưng mà rút cuộc, thế-lực kim-tiền cũng
làm xong.

Người ta chế ra một chiếc xe thiết-giệp rất
kiến-cố cho đến đến xe này có thể nhào từ trên
núi xuống hố sâu mà người ngồi trong xe không
bị một lần trầy da hoặc u đầu chi cả.

Lúc nào nhà vua muốn, người ta làm tai-nạn
giả cho xem, mà không hại chi đến sanh mạng
của một người nào!

bọn tôi còn cho ăn ngài dụ về hàng đôi ba
con đó...

Rồi nó lại khởi hải:

— Thầy muốn con gái không? ời cho một
chút kiếm con gái tốt...

Tôi rùng vai, lắc đầu và nó phá ra cười...
dồn như pháo ngày Tết. (Còn tiếp)

THÁI-HỮU-THÀNH.

Tinh thần CỦA GIÁO-VIÊN quốc-gia

Chaque enfant qu'on enseigne est un homme qu'on gagne. — V. Hugo

DÂN tộc nào mới có trên mặt đất, từ
lúc ăn lông ở lỗ, sống trong bụi rậm
rừng hoang, đều có một tinh-thần
hiệp-chung. Đối với dân tộc còn giữ màng,
mặc dầu trí hoá họ tối-tâm, tánh-tinh họ rùng
rú trong hang lỗ, tinh-thần ấy cũng đã biểu
lộ ở họ; đó là cái khí-giờ xui khiến họ can-
đảm chiến-đấu với loài ác-thú rừng xanh
núi thẳm thường xông vào đồng loại của họ
để tìm mồi. Chính vì muốn giữ sự tồn vong đồng
loại họ bên vồ đá, bên giòng suối, dưới gốc
cây mà họ, ngoài ra sự kiếm ăn thường ngày,
chỉ lo một việc giữ gìn sự sống còn của một
nhóm đồng loại. Họ lo-lấn, họ tìm phương
kế giữ gìn chỗ ở, đề-phòng sanh-mạng cùng
loài ác-thú muốn săn.

Chính nơi họ đã nảy sanh tinh-thần quốc-
gia. Nhờ đó mà lịch-sử nhưn-loại mới tồn-loại,
lưu-truyền. Nhờ lưu-truyền loài người mới
lần lần tiến-hoá. Hiện thế, các nước càng văn-
minh, tinh-thần quốc-gia của dân càng mạnh.
Ta thử xem có phải tinh-thần quốc-
gia đã tem nhiều Nước lên địa-vị cao
trọng trên mặt địa-cầu. Chẳng phải
vì tinh-thần quốc-gia thắm-thịa, nồng-
nàn mà đã nảy sanh ra và lưu-truyền
hậu thế bao nhiêu bậc vĩ-nhơn, bao nhiêu công
trình vĩ-dại.

Cái tinh-thần quốc-gia mạnh-bạo, thiêng-
liêng đến đời không run sợ trước cái chết,
không buồn nản trước sự thất-vọng, không cúi
đầu trước sự khó-khăn

Ai bảo Trần-bình-Trọng, người anh hùng
trung-liệt của lịch-sử nước Nam, không vì tinh
thần quốc-gia thắm-thịa mà nói với quân Tàu
một câu nghĩa khí làm sao: «Thà làm quĩ
nước Nam, chớ không thêm làm vương đất
Bắc, để đón lấy sự chết, hơn là sống mà thấy
mình vô-dụng với quốc-gia?

Ai bảo không vì tinh-thần quốc-gia mà Nữ-
Trưng-Vương chẳng liều sức mình là gái,

đem thân liều yếu đào thơ, xông pha vào
chốn đạn tên, để liều mình cứu nước?

Trên khắp mặt thế-giới, thấy hay không
thấy, biết bao nhiêu bậc anh-tài, vĩ-nhơn đã
hy-sanh thân-thể, hy-sanh tài sản, hy-sanh
cuộc đời để làm việc cho quốc-gia, bởi đắp cho
quốc-gia. Họ chính là những giọt sương đêm
âm-thầm gieo rắc từng hạt nhỏ nhắn để gọi
nuần mầm giống trong lúc đêm khuya, để rồi
mộ! Bỗng sáng những mầm giống ấy sẽ nảy nở
ra bao nhiêu hoa lá xanh tươi, đầy kết quả.

Tôi muốn nói tinh-thần quốc-gia giúp ích.
Và sau nữa là tinh-thần quốc-gia của các vị giáo
viên.

Các vị giáo, ai đang nghi-ngại nhiệm-vụ của
mình, ai đang muốn chán-nản nghề-nghĩệp
mình, hãy cùng hân-hài lên trong sự tận-tâm
với chức-vụ, hãy ham thích sự giúp ích vì
nghĩ bởi tinh-thần quốc-gia của ta xui khiến.

Ai cũng biết: Đời thầy giáo nghèo khổ,
thiệt thòi. Sự thật là thế.

Song thử hỏi một nhà tu chọn chánh xem
họ có than phiền về sự nghèo, khổ, trống rỗng
của đời họ không?

Thử hỏi một bà Phước, bà có than phiền
về sự tro-troi, quạnh-hiu, buồn rầu của đời
bà không?

Thử hỏi những người đem tinh-thần gửi
cho một lý tưởng, một sở nguyện, trong lúc
phải lao tâm tiên tử, đầy đọa nhọc-nhăn họ
có than phiền không?

Không! Vì họ đã chọn lấy con đường của
tinh-thần, say-mê vì một sở nguyện, thì họ
thích được làm theo ý-chí, sung-sướng ở tinh-
thần hơn tất cả các sự cực nhọc.

Làm thầy giáo có tinh-thần quốc-gia gần
giống như làm một nhà truyền đạo. Cửa nhà
tu không bắc buộc ai vào, chỉ mở ra khi nào
có người đến gõ cửa.

Nếu vị nào đã đến gõ cửa sở giáo huấn thì
tất nhiên đã thấy nhiệm-vụ mình là một sở
Coi tiếp trang 10

Một văn-tài lỗi-lạc :

ANATOLE FRANCE

NĂM nay ở Pháp người ta cử-hành một cách long trọng lễ kỷ-niệm bách-chiên-niên Anatole France. Hồi sanh-tiền ông này có chầu trong Hàn-lâm-Viện Pháp-quốc. Lâm ông Hàn-tức-thị được kêu là bất-tử. Nhưng sự thiệt thì cũng có vô số ông Hàn sau khi chết đã chết luôn trong ký-ức của mọi người.

Đó là những kẻ nhờ thế-tục, gáp mạt mần mà thành nên bất-tử tạm-thời chứ không phải là những tài-ha lỗi-lạc đã làm rực-rỡ non sông mà Anatole France là một.

Người ta đã nói nhiều về ông. Người ta phàn-nan rằng ông hay diễn-cốt mà diễn-cốt cả những cái lâu-nghiêm, ông hay hoai-nghi mà hoai-nghi cả những điều khủ-tích. Nhưng ai cũng công-nhận rằng ông có một lối văn trong-trẻo, dịu-dàng, điều-hòa, tươi-lạc. Ai cũng công-nhận rằng ông có thể hoai-nghi với tất cả thấy mà không bao giờ ông làm hoai-nghi cái tiếng nói của nước ông, cái tài-trí của Đại-Pháp và cái thông-minh của loài người.

Và lại chính ông thông minh quá nên ông mới tức cười về những điều tai nghe, mắt thấy, tức cười những cái lỗ-lãng ngu-muội trong xã-hội của ta.

Ông tức cười về những điện-hồ kỹ-chương của một vị giáo-sư cũng như ông tức cười về cái ngày thơ của một nhà bác-học.

Hồi còn học ở trường Trung-tăng ông không chuyên-cần theo chương-trình như các bạn, nhưng ông đã sớm tự đào-luyện về văn-chương.

Trong sách « Livre de mon ami » ông đã thuật lại với biết bao nhiêu thi-vị mãn-đông cái đời niên thiếu của ông.

Ông thuật lại cảnh mùa thu ở vườn Luxembourg buồn mà đẹp. Ông vẽ lại cậu bé con lưng đeo cặp, tay thọc túi, vừa đi vừa nhẩy lung-tung như con chim se-sẻ.

Ông còn nhắc đến những nhà bán sách cũ ở đường bờ sông mà ông đã đứng hàng giờ để nhìn, để ngắm, để say-mê.

Ta hãy nghe ông nói :

« Ôi những ông già do-thái đơ bản ở đường « Charle-Midi, những người bán sách cũ ở bờ « sông, các ông là những thầy tôi mà tôi còn « nhớ ơn mãi mãi ! Không thua mà còn hơn « những vị giáo-sư ở trường Đại-Học, các ông

« đã giúp nhiều cho trí-lực của tôi. Hồi những « người chon-chất, các ông đã bày ra trước cặp « mắt thêm thưởng của tôi những hình-thức bí « mật của cuộc đời dĩ-vãng và biết bao nhiêu « những công-trình qui-giá của tư-tưởng loài « người. Trong khi lực lọi những học tử của các « ông, trong khi nhìn ngắm những ngăn kệ bụi « bặm mà các ông đã chôn đầy những kỷ-vật « của tiên-nhơn để lại về những tư-tưởng đẹp « đẽ của các ngài, tôi đã vô-linh lãnh-hội được « một cái triết-lý trong sạch.

« Phải, thưa các bạn, phải chính nhờ được « từ-tôi những cuốn sách bị mối ăn, những « thanh-sắt bị sét găm, những miếng cây bị « một đục, mà các bạn phải bán đi để có ăn, « chính nhờ đó mà ngay từ hồi còn nhỏ tôi « đã cảm thấy sự tiêu-trảm của muôn vật và « cái hư-vô của hết thấy.

« Tôi đoán rằng sanh-cật chỉ là những hình- « ảnh biến-chuyển trong mộng-đo đã thối và « biến-thâm, về ôn-hòa về từ-bi..... »

Ngoài cái « trường học trước gió » đó, Anatole France còn thọ-giáo ở trường học gia-dinh, ở những bữa cơm ngồi chung với cha mẹ, ở những câu chuyện thân-mật chứa đầy những lời dạy-bảo khôn-ngoan.

Thấy ông không chuyên-cần ở lớp học, nhiều người tưởng ông làm biếng ký thật ông vẫn đề

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur sucre
Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA
CHOLON

cả tinh-thần vào những áng cô-văn Hy-Lạp và La-Mã mà không cho rằng thiết-yếu và bổ-ích cho-trí-não của ông.

Có khi ông đọc sách dưới ánh sáng đèn ngoài đường. Có khi ông lang-thang vô-vấn vừa đi vừa ngâm những câu thơ nó đã cho ông biết bao nhiêu bực thù. Có khi ông mãi trầm-tu mặc-tưởng mà đụng phải người ta hay cụng mũi vào mũi một con ngựa.

Những kỷ-niệm đó chứng rằng ông là một người sớm có thị-liệu về văn-chương và đã tự tạo cho mình một căn-bản văn-học chắc-chắn và đầy-dủ.

Chính ông đã nói :

« Không nên cho rằng tôi chỉ có tài lỗ-dăng « ở trong lớp. Theo cách thức của tôi tôi cũng « là một nhà-cổ-học tí-hon. Tôi tin tưởng một « cách mạnh-mẽ những cái đáng yêu và cao-quí « trong những cái mà người ta gọi là văn-học....

« Người ta có thể cho tôi là qui-phái và kiêu « cách, nhưng tôi tưởng rằng trong sáu bảy « năm trường chuyên-tâm đào-luyện về văn-học « đã cho một cái tinh-thần sẵn-sàng chịu đượ « nó một cốt-cách cao-quí, trang-nhã, tươi đẹp « mà người ta không thể có được bằng những « phương-thức khác ».

Những cách-thức và phương-thức của Anatole France khác thường nhiều lắm vì ông là một thiên-tài xuất-chúng không cảm chịu những thế-nhơn.

Ở trường, ông không biết nhiều cái người khác biết nên ông mang tiếng thua người.

Nhưng tự học lấy một mình, suy nghĩ lấy một mình, ông biết bao nhiêu cái mà kẻ khác không biết, ông đã tạo cho ông một bản-ngã văn-học phong-phú, súc-tinh nó làm cho ông siêu-việt hơn bao người.

Tôi dám quả-quyết rằng hết thầy những cái thiên-hạ khêu ở ông và chế ở ông đều do ở cái thông-minh của ông mà ra cả.

Có những người biết nhiều, học lắm, nhưng lại có vẻ hề-hộn nặng-nề vì thiếu sự thông-minh.

Cái thông-minh của Anatole France đã gây cho ông một trí phán đoán lạ-làng, một óc phê-bình sáng-suốt, và đã giúp cho ông có những lời văn như gấm dệt, hoa thêu.

Ông thông-minh nên ông giữ hoài được cái tự-do của linh-hồn không để cho cái gì có thể đè nén được, dầu là những học-vấn cao-thâm dầu là những tin-tưởng mãnh-liệt.

Trong sách Crime de Sylvestre Bonnard ông có đặt ra một nhà bác-học luôn luôn cặm cụi giữa những chồng sách cũ và tưởng rằng chỉ có sự tìm tòi học-hỏi là chiếm hết được linh-hồn. Ai ngờ chính nhà học-giá đó trong khi ngủ gục ở trước một cuốn sách đã thấy hiện ra một nàng tiên nho-nhỏ ngạo-nghe mắng ông rằng :

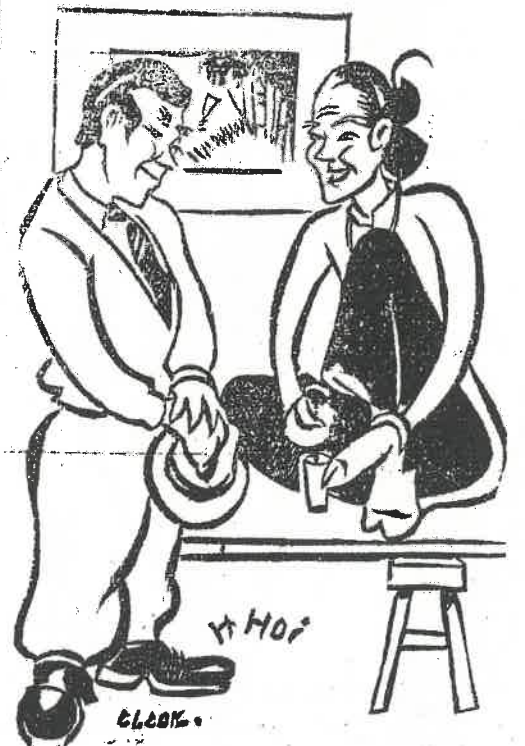
« — Ông Sylvestre Bonnard ôi, ông chỉ là « một nhà hủ-nho. Tôi vẫn nghi như thế mãi.

« Một đũa con nít lang thang ngoài đường có « mảnh áo giắt ở lưng quần cũng biết tôi hơn « là những tụi mang kiếng các ông ở Quốc- « học-Viên. Biết không, chẳng làm gì. Tưởng- « tượng là tất cả. Chỉ những cái người ta tưởng- « tượng đến là có mà thôi. Tôi nằm trong « tưởng-tượng của thiên hạ. Thế là tôi sống « đó. Ai mơ-tưởng tới tôi là đến. Hết thầy đều « là mơ-tưởng cả. Nhưng bởi không ai thêm « mơ-tưởng đến ông, nên hồi ông Sylvestre « Bonnard ôi, chính ông mới thiệt là không có « ở trên đời. Tôi làm vui cho thiên hạ, ở đâu « cũng có tôi hết. Trên một ánh sáng của « trăng, trong một tiếng rung động của suối, « giữa những lá cây di-đào ca-hát, trong những « làn khói trắng từ bãi cỏ bốc lên buổi tình- « sương, giữa những cây thạch-thảo màu « hương... chỗ nào người ta cũng thấy tôi, « chỗ nào người ta cũng yêu tôi... »

Nàng tiên nho-nhỏ đó là hiện-thân của tưởng-tượng, mà tưởng-tượng là một cái linh-khiếu của thi-sĩ và văn-nhơn.

Anatole France không chịu làm một nhà học-giá khô-khẩn nên trí tưởng-tượng và óc thông-minh đã gây cho ông một nhà văn đặc-sắc đề-nâng cao cái giá-trị tinh-thần của Đại-Pháp ở thế-gian.

THIỆU-SƠN.



— Cháu không nên coi rẻ nhà ông phán thưởng lắm, bà coi khỏe được vì nhà ông có ba đứa nít !
— Đời văn minh, người ta thông cảm nói chuyện giữa trai và gái.
— Vay tin-minh nghĩa là rớt rai sao ?

Vạn-tuế thuốc lá

DẤU tôi không chúc thọ cho nó, thuốc lá vẫn sống.

Bạn đọc còn không thấy sao! Từ mấy trăm năm nay có nghe bao giờ thuốc lá bị người đời bực dãi? Hễ có ông bác-sĩ này lên án nó làm giảm trí-tuệ, sức khoẻ con người, thì liền sau khi ấy đã có ông khác ta mặt tâu-tụng công đức của nó, và trong báo-chí lại đăng lời tuyên-bố của nhiều ông già nói mình sống gần bằng Bành-Tồ đấy là nhờ cả đời hút thuốc lá.

Thời đấng nói xa xuôi làm chi, ngay trong làng vạn-mặc xứ này các ông anh của tôi mỗi khi muốn tìm nguồn cảm-hứng, hầu hết há chẳng đối cả gói thuốc lá đã vắn rồi hay là thiêu trọn năm mươi cái «cối» thuốc rời đó chi?

Thế là có vạn-tuế thuốc lá, cũng không ai rầy-ra gì đó.

Thuốc lá ở xứ này được người ta đánh giá trị của nó một cách hết sức xứng đáng là hời có một nhóm nghệ-sĩ qua Hương-cảng quay phim hát bóng «Cánh đồng ma».

Cái lần «phiêu-lưu» ấy nếu đã đem tôi cho các nghệ-sĩ những sự nghe thấy, nhận



— Hình-phức của đời ta như vậy thật là hoàn toàn
— Nó sẽ hoàn toàn hơn nữa, nếu em bớt dặng những đò quàn bằng hàng lụa!

Điều tra về

THUỐC

xét mới mẻ, thì hẳn trở về lúc còn nằm nơi Phòng ngủ hay là đã ở dưới con tàu linh-dinh giữa biển dưới trận gió lạnh, mưa dầm, họ đã nếm rõ cái ý-nghĩa của sự hút thuốc lá là thế nào?

Họ đã nhậu ăn được, nhưng khổ làm sao, vãng cái hơi khói kia là họ thấy cuộc đời đều âm-đạm hết! Rồi khi đặt chân xuống đất quê nhà, một vài nghệ-sĩ ấy không quên viết bài tán-lộng nó trong số báo đặc-biệt về thuốc lá của một bạn đồng nghiệp ở Bắc.

II

Cách xuống giống

Thuốc lá trồng ở xứ này, nhưt là về miệt Gò-vấp được tiếng là nơi thuốc ngon hơn hết, có nhiều giống như: lai, xiêm bầu, thiết lai, xiêm vốc, nhọn xanh, song người trồng lại thích thứ xiêm vốc, lá nó rất lớn, và nhọn xanh là tuy nhỏ và cụt nhưng mau già mà mùi lại ngon.

Trồng thuốc bắt đầu từ hạ tuần tháng tám ta. Hạt thuốc trước khi gieo phải ngâm nước đúng bảy ngày mới vớt ra rải trên giàn, ban ngày chờ cao bớt nắng, đêm lại dờ ra cho nó hứng sương.

Vài được vài hôm là cây mọc lên, sự chăm nom săn-sóc cũng phải ân-cần cho tới đúng một tháng thì cây thuốc đã được bốn lá và một đợt, người ta mới đem vào bầu.

RỢI KIỀN (Rayon X)

Phổi, tim, bao-tử, ruột...

Docteur: LÉ-VAN-NGON
CẢNH THO

C L Á



Nghề nào cũng có tiếng riêng biệt của nó, nghề trồng thuốc cũng vậy. Có biết bao nhiêu tiếng mà khi động tới nó tôi phải cần cất nghĩa ra.

Vô bầu tức là bứng cây thuốc con «cấy» (trồng) vào trong những bầu là dứa nước còn tưới khoáng tròn lại, trong đó để ròng phân thực tức là phân bò để lâu không còn mùi nồng hay hôi hám gì nữa.

Vô bầu người ta lựa toàn là cây thuốc tốt, cây nào éo-uột là quân-queo những cây ấy gọi là cây từ-bi đều bị bỏ hết.

Vô bầu rồi, người ta vanh bót lá cho cây lên mạnh, sau đó 15 ngày lại vanh lá một lần nữa. Đứng một tháng, những cây thuốc trong bầu ở trên giàn đã đủ sức mọc rồi, người ta mới hạ xuống đất

III

Cách chăm-nom cây thuốc

Trong nghề trồng thuốc người ta thường dùng tiếng giếng để nói châu-vi cuộc đất trồng thuốc của mình.

— Anh trồng được bao nhiêu thuốc?

— Hai giếng!

Giếng đây nếu lấy theo cái nghĩa thiệt của nó mà hiểu thì câu nói ấy còn ai rõ nó là cái gì! Theo tiếng riêng của nghề này, giếng có nghĩa là số thuốc trồng ra dùng một cái giếng nước đủ tưới.

Tôi trồng hai giếng thuốc chỉ nghĩa là, tôi có lối 1.000 cây, với hai giếng nước: tôi đủ làm số thuốc ấy tưới sống.

Tuy nhiên, tiếng giếng không thể bảo đảm chắc chắn được số cây thuốc. Nhầm giếng nhỏ nước ít làm sao tưới đủ số cây nhiều trong lúc hạn.

Vậy là tiếng giếng người ta chỉ que miệng nói cho có chừng mà thôi. Sự thật một mẫu đất, người ta có thể trồng lối 7.000 cây thuốc.

Khi cây thuốc «cấy» vào bầu rồi thì người trồng nó lo dọn đất lần đi. Người ta đánh liếp đất cái này cách cái kia chừng một thước rưỡi.

Ở mỗi liếp có đào sẵn lỗ cỡ cái tổ lớn cách khoảng nhau lối bảy tấc, trong đó người ta trộn phân bò đã thực và bánh dầu đã băm nhỏ ra. Cây thuốc trong bầu được hạ nào trong những lỗ ấy.

Trồng thuốc nếu đã lo cho nó có phần tối đầy đủ thì cũng không quên được cho nó uống nước đúng sức, có thể cây thuốc mới mau tới tươi.

Cây thuốc đã hạ xuống đất rồi thì mỗi ngày đều phải tưới nó. Người ta tưới thuốc thường nhâm vào hai giờ khuya cho tới sáng, một cây tưới lối nửa thùng thiếc nước.

Trồng được chừng mười lăm ngày cây thuốc đã cao được vài tấc. Lại là dịp người ta lo làm phân và vét giồng đất lên chơn thuốc. Giồng đây tức là những mô đất dài theo hai bên liếp mà khi làm liếp người ta xới đất bỏ qua hai bên.

Cây thuốc lên chừng cỡ ấy chưa nảy chồi, người trồng đợi nó được 17 ngày liền ngắt ngọn cho nó đâm tược. Ngắt ngọn phải lựa lúc trời nắng.

Thuốc bị ngắt ngọn chừng đúng tháng thì mỗi cây đâm ra năm hoặc sáu chồi. Nếu để đủ số chồi thì cây thuốc phải yếu, lá không dạng lớn nên người ta tỉa bỏ bớt đi, chỉ để lại hai chồi mọc ngay nhau mà thôi.

TINH-ĐỀ.

(Còn nữa)



— Em coi mới như anh lo lâu lắm vậy?
— Anh đương lo phát minh một kiểu mẫu y phục thân ngắn lại những áo tầu-thời.
— Chi vậy?
— Để cứu bọn đàn ông.

NẠN KHAN GIẤY BIÊN PHÁP

Trong lúc chiến tranh, thứ gì cũng mất mỗ và thiếu hụt. Nước Pháp có nhiều lò làm giấy, song tránh cũng không khỏi nạn khan giấy.

Chúng tôi muốn đăng bài sau đây để cho đồng bào thấy sự viết sách làm báo hồi nầy phải hao tốn và khó khăn là dường nào! Ở Đông Pháp, chúng ta còn có sách vở báo chí mà đọc, còn có mở nhăm giã mà mà dùng, chưa đến nỗi thiếu hụt quá như ở bên Pháp, ấy là nhờ nhà cầm quyền khéo sắp đặt, khéo tiết kiệm giấy đồ.

VICHY, 9 April 1943. — Nạn khan giấy ở nước Pháp, mỗi ngày cứ tăng thêm mãi. Sự nầy hạn chế thường trong mùa hè vừa qua, sự thiếu hụt than đá và có thêm sự hạn chế việc dùng hơi điện vào đó nữa đã làm tê liệt kỹ nghệ làm giấy ở Pháp. Việc nhập cảng các thứ bột cây để dùng trong việc làm giấy, lâu nay phải mua của các nước ở phía Bắc, như Thổ-ai-diên, Phần-lan, ngày cũng sụt giảm nhiều lắm. Trong 6 tháng đầu năm 1942, người ta có thể chia cho các nơi cần dùng được 35 phần trăm số cần dùng cũ, nhưng hiện nay thì chỉ còn có 20 phần 100 thôi. Nhưng số sản xuất giấy bị sụt giảm mà sự tiêu thụ coi mà lại phải tăng lên, bởi vì khi Chánh-phủ thiết hành phương pháp « Kinh tế chỉ huy » thì phải tốn hao rất nhiều giấy mực. Gần đây ở các công sở — hay ở sở tư cũng thế — người ta đã phải rán hết sức tiết kiệm giấy tờ.

Vì dụ như ở quận Haute Garonne, hồi trước mỗi tháng xài đến 1.200 ki-lô giấy, bây giờ mỗi tháng chỉ được lãnh có 400; sở Hoà xa năm 1833 xài đến 11.600 tấn giấy, bây giờ chỉ còn xài được có 4.500.

Khuôn khổ giấy viết thư những giấy in chữ đều thâu hẹp lại, và nhiều thứ bộ số không cần kíp đều bỏ hết.

Các sở Sanh-ý đã rút bớt khuôn khổ những giấy tờ thủ tục, hoặc những giấy yết thị, nói về việc thuế vụ. Hồi trước giặc, họ dùng đến 3.000 tấm giấy đủ các màu sắc, giờ hồi thủ dân Pháp về việc đóng thuế, ngày nay mặc dầu thuế thân vô nhiều hơn trước tới mấy ngàn triệu quan, mà họ cũng phải dùng không đầy 1.000 tấn giấy. Như trong 2 tháng Janvier và Février 1943, Chánh-phủ đã dự định cho sở Sanh-ý 100 tấn giấy, mà sau chỉ cấp cho

sở ấy có 43 tấn. Nhưng đó cũng là cái phước cho dân thiếu thuế cho khỏi phải khổ tâm mà đọc những câu đời thuế đời lồng.

Danh thiếp của tư-phon lúc trước đã bị cấm không cho dùng, nhưng nay cho dùng lại, bởi vì người ta thấy dùng nó làm khi có lợi, vì tiết kiệm được giấy. Dùng nó viết ít chữ mà gọi cho ai đó, chẳng phải tốn tiền giấy hơn là viết một cái thư sao? Nhưng thế danh thiếp thương-mãi, dùng nó mà trao hàng thì bị cấm, và cũng cấm cả tới thư mời nữa, bằng giấy mà người ta thường dùng ở các đám tiệc lớn nữa. Không cho làm tập dân binh chộp (album) đồ báo sách vở và những hộp đựng nón làm bằng giấy cứng.

Ở các lâu lâu, từ nay những ly rượu phải để trên cái đĩa sành hay thiết, chớ không được để trên thứ đĩa bằng giấy cứng như hồi trước. Cũng không cho dùng thứ giấy mà làm khăn giấy tời hay các thứ bông hoa, để chừa trong nhà. Đã có lệnh đánh máy không được chừa hàng rỗng và bất kỳ thứ thơ từ chi cũng phải viết cả trên 2 mặt giấy.

Sự khan giấy đã đẻ ra nhiều chuyện rất buồn cười. Nó có hại mà cũng không phải không có lợi cho nhiều hạng người. Vì giấy khan, học trò phải lo học cho giỏi, vì dụ như làm bài được hơn lớp, mới được lãnh « các » để đi mua giấy mà tổng tập để chép bài. Trái lại, trò nào làm biếng, học dở, quên bài, thầy không bắt chép lại 5 lần 10 lần coi bài mình thông thuộc kia, mà ở các trường trung-học phần nhiều, thầy hay bắt học trò phải học thuộc lòng những bài thi phú của các bậc danh sĩ Pháp. Làm

Maison LIÊN-HOA
May y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-ba thêu.
Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI
N° 108-110 Lagrandière,
gần chợ-mới Saigon
Tél. 21.780

như vậy cũng có ích: tập cho học trò có trí nhớ giai.

Các tiệm bán thuốc hút, buộc người mua phải trả lại cái bao cũ, mới bán cho một gói thuốc mới. Không có bao cũ à đổi thì phải chi ju ghiền.

Việc góp nhóp những giấy vụng, giấy cũ đã thiết hành triệt để. Nhà nước cũng lục soạn lại những sổ bộ cũ, đóng dây bụi bặm rồi gửi đến các lò nấu giấy. Giấy tờ dùng ở các Tòa-án, đã có mạng lưới đặc, phải thay đổi khuôn khổ khác trước. Ở các phòng Lục sự, người ta có lệ viết chữ lớn, mỗi trường viết có 20 chục hàng, bây giờ phải liệu viết cho được 40 hàng, theo việc hộ, còn theo việc hình tại phải viết từ 22 cho đến 42 hàng, hàng nào viết ít nhất cũng phải cho được 4 chữ!

Chắc ai cũng biết theo luật pháp hiện hành, những bộ số giấy tờ ở các Tòa án, những vụ xử trắng án hay miễn cứu thì sau 30 năm mới được tiêu hủy giấy tờ, còn những vụ án của tòa Tiểu hình xử thì 50 năm. Nhưng nay đã có lệnh dạy không cần cất giữ lâu lâu đến thế. Các Tòa án phải soạn lại giấy tờ cũ, soạn cho thật kỹ, cái nào đáng để dành thì để dành, cái nào không đáng thì cứ cho vào lò nấu!

Hồi tháng chạp năm ngoái, Tòa án ở thành Lyon đã cho vào rồi già 33 ngàn tập hồ sơ, cần nặng đến 2 tấn rưỡi giấy.

Hiện nay từ chánh-phủ cho tới thường dân, ai ai cũng phải tiết kiệm giấy má, còn hơn tiền bạc.

Trường đua ngựa Auteuil phải há liên cho lời giấy đánh cá, bởi vì trường đua ấy phải xài nhiều giấy quá. Hồi trước có thứ giấy đánh cá 10 quan, 20 quan, bây giờ chỉ in thứ giấy 50 quan mà thôi. Làm vậy cho anh em tuyệt-phích tuy là muốn giúp cho sự chọn lọc giống ngựa tốt, mà hơn dịp cũng tiết kiệm được giấy nữa. Ngoài ra hiện nay mỗi tay đánh cá, nếu chọn được con ngựa nào ưng ý rồi, cũng chỉ được mua có 4 cái giấy nhứt (gagnant) hay 4 cái giấy nhì (placé), chớ bằng được ý có nhiều tiền rồi bảo xe cả lốc (bloc)!

Thật là một cuộc cách mạng trong giới ngựa đua!

Mới đây Sở phân phát vật liệu để làm ra giấy, có gói thông cáo đi các nơi cho biết cách tiết kiệm giấy để làm và hay hơn hết, chính là việc bãi bỏ, đừng dùng bao thơ nữa. Sở ấy đã thí nghiệm mà biết được có nhiều thứ thơ gói thường cho nhau, cho tới thơ kin, thơ riêng cũng vậy, gói không có bao cũng chẳng hề gì. Nội trong tờ giấy viết thư,

nếu ta khéo xếp, khéo dán, và chừa đủ một chỗ để địa chỉ kẻ nhận thơ là đủ rồi.

Tấm tắc xe máy, hồi trước làm bằng thiết, nay vì thiết khan, nên đã phải dùng bằng giấy cứng có in chữ mà thế vào. Nhưng khuôn nôi, có nhiều thôn xã cũng không có thứ tắc bằng giấy cứng ấy nữa, thành ra có nhiều người khỏi phải đóng thuế cho « con ngựa sắt » của mình! Cho đến có bút, cũng khó lòng mà xia cho được tờ giấy cứng, bởi vì không có thứ giấy đã in sẵn.

Báo chí ở Pháp đã bị hạn chế thật gắt. Nhứt báo chí rút xuống còn có 2 trang, in 5 mà coi mới cũng chưa yên được. Mà việc xuất bản sách vở lại còn phải bị thiệt thòi hơn là khác. Người ta chỉ in có một phần ba những thứ sách giáo khoa cần kíp.

Cách mấy ngày trước đây, một nhà xuất bản lớn ở Paris có nói với một thanh niên tác giả một quyển sách được chấm thường như vậy: « Tôi buộc lòng phải thú tội với ngài, theo cá nhân phân phát giấy hiện nay, có lẽ đến 5 năm nữa, tôi mới xuất bản quyển sách của ngài được! »

Cầm cụ viết ra một quyển sách, được hội Văn học chấm thường, mừng như trúng số độc đắc, người xuất bản để lấy danh và gỡ nghèo luôn thể, thế mà, nghe ông nọ nói, nhà văn phải cụt hươg liền!

Hiện nay mà làm văn, viết sách, thì thật là trái mùa. Mỗi tháng, mỗi nhà xuất bản chỉ được in có 1 quyển sách, mà cũng không được in quá 4.000 cuốn nữa.

XUÂN-MỸ
(Dịch trong báo: La Gazette de Lausanne).

Học theo Thi
Ông Đặng-thúc-Liêng, đã mở nhà dạy học, học làm thuốc Bắc và thuốc Nam và học chữ Hán, tại đường Louis Berland số 313, Phú-nhuận, Saigon.
Định ngày giờ dạy mỗi tuần, thứ hai, thứ tư, thứ sáu, dạy học làm thuốc Bắc và thuốc Nam, Biết chữ quốc ngữ học cũng được.
Sớm mai 9 giờ tới 11 giờ
Dạy học chữ Hán, chiều 7 giờ rưỡi tới 9 giờ rưỡi

HAM LÀM THẦY

NĂM nọ, giữa lúc thế-giới thanh bình, có hai cô thiếu-nữ A. và B., vốn con nhà giàu sang, học văn đã xong rồi mới xin với cha mẹ mà học hội-họa và âm-nhạc đặng thành phụ-nữ có học-thức hoàn-toàn. Hai cô học vẽ với họa-sĩ L. được một năm, nên vẽ vờ coi được. Ông L. hay dắt hai cô đi xem các cuộc triển-lãm tranh ảnh và cắt nghĩa những nét vẽ hay cho hai cô thấy mà tập theo. Ông thường khen ngợi những bức tranh của họa-sĩ trừ danh V. và thường tôn ông V. là bậc sư-phụ trong nghề hội-họa. Đã nghe lời thầy khen như vậy, lại xem những tranh của ông V. cũng thiệt là tinh xảo, nên hai cô rất kính tài ông V. mặc dầu chưa được hân hạnh mà gặp ông này lần nào.

Qua mùa hè, hai cô A. và B. rủ nhau qua hồ Genève mà nghỉ mát. Hai cô ở thành Lausanne, ở chung trong một nhà hàng lớn. Một bữa hai cô đi tàu qua thành Genève mà xem cảnh vật. Buổi chiều hai cô đi dạo chơi trên bờ hồ, đợi đến giờ tàu chạy đặng trở về Lausanne. Hai cô vui vẽ, bỗng thấy có một người đàn-ông, y phục tầm thường, ngồi trên bờ hồ đờng ngắm cảnh mà vẽ một bức tranh thủy mặc. Hai cô bước lại đứng coi vẽ, rồi bình phẩm, chịu nét này, chê nét kia và khuyên người vẽ nên sửa cho trũng điệu mỹ-thuật. Người vẽ cung kính nghe hai cô chỉ biểu, nghe rất chằm-chỉ, không cất một tiếng nào. Hai cô lại càng lên mặt thầy, cứ dạy dùm người vẽ ấy cho đến tàu gần chạy mới từ giả mà về.

Hai cô về nhà hàng ăn cơm tối thì nghe ông chủ nhà hàng nói hồi trưa có tiếp được đây thiệp của Họa-sĩ trừ danh V. xin mượn một cái phòng và nói chuyện tàu 10 giờ ngày mai ông sẽ tới. Hai cô nghe tên Họa-sĩ V. thì vui mừng chẳng xiết, mừng có dịp làm quen với bậc sư-phụ về nghề hội-họa. Hai cô định sáng mai sẽ ra bến-tàu đón tiếp rước Họa-sĩ V.

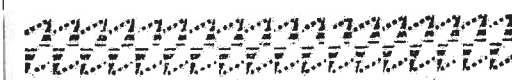
Tàu tới, thiệt hai cô đã đứng chực lại cầu tàu, nhưng vì không biết mặt họa-sĩ V. nên

ngơ-ngáo không biết làm sao mà tìm ra trong đám du-khách. May quá! có người ngồi về hồ-n qua ở dưới tàu đờng xách hoa-ly đi lên. Hai cô chặn hỏi: « Họa-sĩ trừ danh V. có đánh giầy thép cho nhà hàng, nói chuyện tàu này qua lời. Chị em ơi muốn tiếp đặng làm quen mà học, nhưng không biết ông V. vậy nếu ông có biết thì xin làm ơn chỉ dùm ».

Người ấy chững-hững, ngo hai cô và đáp: « Tôi biết. Ông V. chính là người mà hai cô hạ cố dạy vẽ hôm qua bên Genève đó ».

Thôi, tôi đây tôi xin phép ngừng bút, để cho chư quý độc-giả liệu mà đoán cái nét mặt của hai cô A. và B. trong lúc ấy.

HÙNG-VỎ.



BẠN MUÔN

có đủ ảnh các nhà văn danh tiếng Việt-Nam

Như Đào-duy-Anh, Ng.-v.-Tổ, Bùi-Kỳ, Trần-trọng-Kim, Phạm-Quỳnh, Hồ-biểu-Chánh, Phan-trần-Chức, Đào-trình-Nhất, Nguyễn-Tuấn, Thế-Lữ, Tú-Mỡ, Trần-thanh-Mai, Vũ-hoàng-Chương, Vũ-trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lưu, Ngô-lát-Tổ, Nguyễn-Hồng, Hàn-mạc-Tử, Đông-Hồ, Thiệu-Sơn, Phan-Khôi, Bùi-thế-Mỹ, Quách-Tấn, Huy-Cán, Xuân-Diệu, Đoàn-phú-Tử, Trần-tuấn-Khải, Hoàng-ngọc-Phách, Trương-Phổ-nữ-sĩ, Tân-Đà, Tam-Lang, v.v...

Tất cả 46 ảnh (cỡ 9 x 12) in trên giấy láng tốt, bạn muốn có đủ, xin gửi mandat 10:60 và thư cho M. Yên-Sơn, Kiosque Thanh-Tao ở Vịnh (ảnh sẽ gửi theo lời bảo-dảm đến bạn cùng một lần với 3 quyển).

Nhà Văn hiện đại

— của VŨ - NGỌC - PHAN —
do TÂN-DÂN xuất bản



(Tiếp theo)

CHA mất-rời mà bắt ở nhà.

— Nếu vậy thì em thôi học đã 5 năm rồi. Ở nhà em làm việc gì?

— Có việc gì đâu mà làm.

— Tại không muốn làm, chớ sao không có việc. Dọn dẹp vườn tược cho sạch-sẽ, trồng khoai tía đậu, làm việc nhà. Tại sao không làm những việc ấy, để vườn như đất hoang, bỏ nhà gần sập đổ, mà đi theo gà như vậy hử?

Sen đứng buồn xo, không trả lời được.

Qui nói tiếp: « Từ rày sắp lên em phải làm việc, không được phép đi du-hí hay là đi đá gà nữa. Luật trời đã định cho con người phải làm việc mới được ăn, ai không chịu làm việc thì không được phép ăn cơm. Bắt đầu ngày mai, qua sẽ chỉ công việc cho em làm. »

Lúc ấy Thị-Mùi đi đánh bài vừa về tới. Bước vô ngó thấy Qui thì nàng chững-hững, nên đứng khựng lại và hỏi:

— Qui hả?... Về bao giờ vậy?

— Dạ, tôi mới về hồi trưa. Đi ở nhà mạnh giỏi?

— Mạnh. Mà đi đâu mất biệt mười mấy năm vậy hử?

— Thưa, đi làm ăn.

— Làm ăn ở đâu mà không chịu về, đến nỗi cha mẹ mất cũng không thấy mặt.

— Tôi ở xa quá không hay cha mất, mà dầu có hay cũng không về kịp.

Thị-Mùi ngó cái quần vàng cù, áo sơ-mi rách và đôi giầy mòn của Qui rồi đi vô trong cái cây dù, và đi và nói: « Làm ăn ở đâu cũng làm được, cần gì phải đi xa. »

Qui đứng ngó theo mẹ ghê mà cười, thấy thân thể vẫn còn tráng kiện, y phục vẫn lành

lẽ như xưa, nhưng da mặt đã dòn, mái tóc đã điểm bạc nhiều ít.

Thị-Mùi đã thay áo dài mà mặc áo bà-ba lụa trắng, rồi ra ngồi trên ván ăn trầu.

Qui ngồi bên bộ ghế giữa day qua hỏi:

— Năm nay đi có làm ruộng hay không?

— Ruộng xa nhà quá, làm gì được.

— Đi đánh bài dủ ăn hay không?

Nghe hỏi thì ruộng thì Thị-Mùi đã không vui rồi. Lại nghe hỏi tới nghề bài nữa, thì Thị-Mùi thẹn thẹn, nên phiến ngay, song phải gượng mà đáp:

— Buồn nên đánh bài chơi, chớ ăn thua gì.

— Tôi tưởng ăn thua nhiều chớ. Có người thua đến bán ruộng bán đất, chớ có phải chơi dẫu.

Thị-Mùi chau mày lặng thinh một chút, rồi dờng như muốn dò tri ý Qui nên chậm rãi hỏi:

— Mà về đây là về ở nhà luôn, hay là về thăm nhà rồi đi nữa?

— Việc ấy tôi chưa nhưt định. Đề thùng-thắng tôi liệu coi như ở đây có thể làm ăn được thì tôi ở nhà luôn. Còn như không có bề thế làm ăn, thì tôi sẽ đi nữa, đi kiếm công việc làm.

— Ở đây có nghề gì làm ăn được dẫu.

— Có lẽ lập tiệm buôn bán được. Để tôi nói với bà con trong làng coi như có ai chịu giúp vốn cho tôi ít trăm, thì tôi sẽ mượn phố ngoài chợ ở hoặc hớt tóc hoặc bán hàng yặt.

— Vốn ít trăm mà buôn bán gì được.

— Ban đầu làm nhỏ, rồi sau sẽ mở lớn. Chớ muốn làm lớn, phải vay hỏi đến đôi ba ngàn, sợ người ta không cho.

— Ở đây vay hỏi cũng khó lắm.

— Minh vay bạc, thì mình chịu lời cho họ. Minh có vốn làm ăn, mà họ có lợi, thế thì có chi đâu mà khó. Chớ chi mình vay tiền để bài bạc, thì họ sợ là phải.

Những tiếng « bài bạc » của Qui nói đi nói lại hoài làm cho Thị-Mùi khó chịu, nên bỏ đi xuống nhà dưới, không muốn nói chuyện nữa. Qui thấy mình chộc mà mẹ ghê biết nhột thì đắc ý nên chồm chim cười rồi đứng dậy đi ra ngoài sân, nhắm từ phía, ngó cái sân, ngó tòa nhà, ngó cửa ngõ, đi tho-thần, sắc hàn-hoàng, dường như suy nghĩ một việc chi quan-hệ khó-khẩn lắm vậy.

Bây giờ đã chiều rồi. Mặt trời đã xuống khuất xuống tre phía ngoài lộ, trước sân đã mát rượi, ngọn gió chường lại cất thổi lao-rao. Dưới bầu trời bỏ thả ăn từ đây, mấy đứa chần hực ngồi trên lưng trâu, hoặc đứng dưới bờ mầu, lý hát inh-ỏi.

Mỹ làm thịt gà xào nấu rồi dọn cơm chiều. Chú Tiên ra mời Qui vào ăn cơm. Thị-Mùi với Sen đứng đứng rồi chuyện, nói làm-thăm rồi đưa tay ra dấu, thấy Qui bước vào mẹ con liền dang ra.

Qui tươi cười nói: « Mời đi với em Sen đi ăn cơm ».

Tiếng mời của Qui nghe dịu ngọt lại hiệp lễ lắm, nhưng nó có lót một ý-nghĩa kín, là chủ mời khách, có lẽ vì nghĩ đến chỗ đó nên Thị-Mùi khó chịu muốn nói mà không có lời, muốn giận mà không có cớ, nên phải dẫn lòng làm vui đi với Sen xuống nhà dưới mà ăn cơm.

Cũng còn theo thói hồi trước, Mỹ coi dọn rồi ăn sau, chớ không chịu ngồi ăn một lượt. Qui bất bình nên nói cứng cỏi: « Không được. Chị không phải đây tờ mà ăn sau. Từ rày sắp lên chị phải ăn trên ngồi dưới hai em, vì chị là lớn. Đây, chị lại ngồi đối diện với đi đây. Em ngồi sau, đối diện với Sen; ngồi cho có thứ tự coi mới được ».

Mỹ dục-dặc nhưng liệu không thể kháng cự với lời cương quyết của Qui, nên phải làm theo ý em muốn.

Thị-Mùi càng thêm khó chịu với lời cứng-cỏi, với, cách mạnh-mẽ của Qui, nhưng quyết dẫn lòng để dọ coi, nên cứ ngồi lại mâm cơm và hỏi Mỹ:

— Làm gà hay sao?

— Dạ, không có đồ ăn nên tôi làm gà cho thặng ba ăn?

— Làm con gà nào vậy?

— Thưa, con gà mái tơ.

— Con gà mái in là nó muốn nhảy ò.

— Bầy gà giò còn nhỏ quá.

Qui ngồi ăn vui-vẻ, nói nói cười cười, khen thịt ngon, nhờ cá nướng trui, nhắc bỏ tái tươi, không để ý tới sắc mặt đăm-đăm của mẹ ghê và bộ tướng bất mãn của em Sen.

Sen gắp miếng thịt gà mà thấy đĩa muối ớt đã hết, bèn kêu Mỹ biểu đi lấy thêm. Qui chặn mà trách: « Mày phải lập bát lại cho trúng lễ nữa. Chị hai là chị cả, chớ không phải đây tờ của mày mà mày được phép sai khiến. Chị hai chịu cực nấu cơm thì đã quá rồi. Ngồi ăn nếu có cần dụng thứ chi, thì mày phải chịu khó đi lấy thêm mà dùng, đừng có làm nhọc chị hai nữa. Làm người phải ăn ở cho có lễ nghĩa, phải biết: Inet tôn ty, mời khố mang tiếng thất giáo ».

Mỹ hoảng dũa đi đâm thêm muối ớt, và đi và nói: « Bè chị đi làm, nó là con trai biết đâm muối ớt đâu ».

Thị-Mùi chồm-chim cười, cái cười kinh-khí ngạo - báng, và nói cái giọng gay-gắt cao kỳ: « Ở trong nhà hơi nào mà giữ lễ nghĩa. Chị em chịu khó với nhau mà hại gì ».

Qui cương quyết đáp:

(Còn nữa)



DO PHONG GI

Sanh nhưc môi, đau lưng, tê bại, sung, ngứa ngám, mề-dai, ghê-lạc. Uống TRU PHONG GIẢI ĐỘC HUỒN của Nhà thuốc « HAY » Cánh-thơ. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xổ. Đàn bà sanh con có phong đẹn ghê nuôi không đặng, uống đười phong sau sanh con nuôi đặng. Mua lẻ từ 5\$00 khối chịu tiền gởi. Giá: 1\$80 Không kỳ thại. — Căn mỗi chỗ một Đại-lý.

Tổng Đại-lý: { Saigon: Antonco, 18 Gallieni }
{ Rachgia; Ngoc-Hien }



T IẾNG kia tiếp-tục gõ. Fouquet bực lòng đứng dậy, đi ngay lại một khuôn kiến lớn mà ở phía sau có tiếng gõ, hoặc nơi tay người, hoặc ở ống máy giấu kín không thấy.

Khuôn kiến họ rất lớn, găng vào vách, bên phía tường phòng cũng có kiến dờ như vậy, bầy bầy một kiểu in nhau.

Nghe qua thì biết tiếng gõ kia là dấu-hiệu, vì trong lúc Fouquet bước lại gần Pham kiến để nghe, thì tiếng gõ cũng với một tiếng như khi mới khởi.

Quan Tổng-trưởng lấy làm lạ, nói làm-thăm: « Là này, ai ở phía đằng kia vậy? Hôm nay ta không có chờ đợi ai mà? »

Ngài bèn kéo mặt cây dính mạ vàng cũng ở trong khuôn kiến và lắc-lắc ba lần, có lẽ để trả lời với dấu-hiệu kia. Rồi ngài trở lại bàn viết, nói: « Để cho họ chờ ».

Dường như ngài rất chăm-chú đến công-việc, cho nên với một sự mau-lẹ phi-thường, một sự thông-hiểu kỳ lạ, ngài xem-xét những tờ-trình dài hơn hết, những con số khó-khẩn, vừa sửa, vừa phê-bình, chớng này qua chớng kia, nhanh-nhẹn bằng mười viên thừa-biền, nghĩa là mười ngón tay với một khối óc của ngài không kém một trăm ngón tay và mười khối óc khác.

Một đôi khi, Fouquet mệt-mỏi, ngược mặt lên ngó mặt đồng hồ treo trước mặt, để xem công-việc của mình đã tiến-hành thế nào? Ngài có cái tánh đặc-sắc là tự định công-việc cho mình phải làm bao nhiêu trong một thời-gian nhất-định và một khi định việc rồi, thì trong một giờ, ngài làm xong một việc mà kẻ khác không có thể làm trong một ngày. Miên là ngài đừng bị khách làm bận-rộn thì bao giờ cũng đi tới mục-dịch.

Song giữa lúc ngài đang chăm-chú xem xét giấy tờ, thì tiếng gõ phía sau kiến càng nhất, càng thúc-giục.

Fouquet tự nghĩ: « Có lẽ bà này bực lòng chờ không được. Khoan, khoan, chớ nóng-nảy!

KIỆM - HIỆP - TIẾU - THUYẾT

do Thuận-Vân

Nguyễn-văn-Quý

diễn truyện:

Le Vicomte de Bragelonne của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

Có lẽ là bà Bà-tước, mà không phải, bà Bà-tước còn ở Rambouillet ba ngày! Hay là bà Hội-trưởng. Cũng không nhảm. Nếu là ta thì không có nóng-nảy như vậy, là nhận chuông rồi bà chờ chớ không thúc-hối. Bà nào đây cả? Mà thôi, nếu không là bà Hầu-tước thì mặc cho bà khác đợi ».

Ngài nói rồi lại tiếp-tục làm việc, mặc sức tiếng chớng kêu.

Nhưng sau một khắc đồng-hồ, Fouquet không khỏi bực lòng, nóng-nảy vì không rời việc, gom giấy tờ bỏ vào cặp da và ngó khuôn kiến mà lúc bấy giờ tiếng gõ càng thúc tới:

— Kỳ thật, có việc chi vậy? Tại sao mà có sự thúc giục này? Bà nào chờ ta mà nóng-nảy vậy? Ta bước qua coi nào?

Ngài bèn lấy ngón tay nhận một cây dính mạ ngài kéo ra khi này. Tức thì khuôn kiến xây qua không khác một cánh cửa, và bày trước mắt một cái tủ lớn và sâu. Fouquet bước vào, nhận một sợi dây thừng ăn vào một bộ máy làm cho vách tường mở ra. Ngài do theo ngà ấy mà ra, rồi thì ở phía sau vách tường tự khép lại. Ngài bước xuống một cái thang khu-ốc có chừng 20 nấc, tới phía dưới lại vào một cái đường hầm cần đá, có đốt đèn. Đường đi có lót dệm.

Con đường hầm này chính ở dưới con đường chạy từ dinh quan Tổng-trưởng qua công-viên Vincennes. Ở mức đầu đường hầm lại có một cái thang khu-ốc nữa, một kiểu với cái thang ở đầu kia. Ngài lên thang, bước vào một cái tủ lớn rồi cũng nhận nút chớng tường mở ra mà qua một gian phòng chớng bày cực-kỳ sang trọng.

Vào phòng rồi, Fouquet xét coi khuôn kiến đứng lại sát chớng, mới dùng một thứ chìa khóa nhỏ, mở một cánh cửa ở phía trước mặt.

Sau khuôn cửa ấy lại còn một căn phòng, bàn ghế tuyệt đẹp. Một người đàn-bà nhan-sắc mẫn-mà, đang ngồi trên gối, nghe tiếng cửa mở, đứng phắt dậy chạy lại Fouquet, làm cho ngài lấy làm lạ, vừa lui vừa nói:

— Chúa ơi; bà Hậu-tước De Bellières đợi tôi ở đây à!

— Phải, tôi chờ ngài đây.

— Bà Hậu-tước yêu dấu ơi, bà tới đây cách nào? Tôi lại để cho bà chờ, lỗi quá!

— Tôi chờ ngài rất lâu vậy, ầu lăm. Tôi nhận chuông hơn hai mươi lần, ngài không nghe sao?

— Thưa bà, tôi có nghe, nhưng tôi không tới sớm được. Tôi không ngờ là bà ở đây chờ tôi, vì tôi thấy bà gât-gao, nghĩ-m-nghĩ quá, lại khi tôi rớm thử lông bà, bà từ-chốt kia. Nếu tôi biết được hôm nay tôi được cái hạnh-phúc gặp bà nơi đây, thì hẳn nên chắc chắn, đâu có chuyện chi quan-hệ đi nữa, tôi cũng bỏ-phê để tới đây quì gối trước mặt bà.

Bà Hậu-tước ngó xung quanh và hỏi:

— Ngoài chúng ta ra, có còn ai ở đây nữa không?

— Không còn ai nữa, xin bà an lòng.

Bà Hậu-tước lộ vẻ buồn nói:

— Bí-mật làm sao? Dè-dặc làm sao? Dường như ngài sợ người ta nghĩ-ngờ những chuyện tình của ngài vậy!

— Trong thế khi bà muốn cho tôi phò-trương ra cho người ta biết sao?

Bà Hậu-tước mỉm cười, đáp:

— Không, một người có ý-tư như ngài phải như vậy.

— Tôi xin bà đừng trách tôi.

— Trách ngài à? Tôi có quyền gì trách ngài?

— Cũng cho bà không có quyền, chờ chỉ có thì may mắn cho tôi biết chừng nào? Nhưng xin bà tỏ cho tôi biết, từ một năm nay tôi thương bà, thương mà không được thương lại, thương mà vô hy-vọng...

— Ngài nói sai rồi: vô hy-vọng thì đúng, chờ nói không được thương lại thì không!

— Thưa bà, với tôi, chỉ có một bằng-cớ để biểu-lộ tình thương, mà cái bằng-cớ ấy tôi còn đang chờ đây.

— Tôi biết ngài chờ cho nên hôm nay tôi mới đem tới đây!

Fouquet nghe nói bèn lấy tay choàng vai bà Hậu-tước, song bà lại gạt ra và nói:

— Ông còn chưa hiểu được ý tôi. Cái bằng-cớ để cho tôi đến đáp cái tình của ông, chính là sự tận-tâm, ngoài ra không có ý khác.

— Thế thì bà không thương tôi. Sự tận-tâm là một đức-tánh, còn ái-tình là một trong thất tình, khác nhau xa lắm.

— Khoan, xin ngài hãy nghe tôi đã. Ngài cũng hiểu rằng tôi mà đến đây là có đại-sự tôi mới đến.

— Đại-sự hay là tiền-sự, tôi không màng, miễn là có mặt bà tại đây, tôi được tiếp chuyện, được thấy mặt bà, thì đủ phỉ-tình hoài-vọng rồi.

— Ngài nói có lý, điều đại-khải là tôi có mặt tại đây, không ai hay biết, để cho tôi có thể nói chuyện với ngài.

Fouquet bồng quì gối xuống và nói:

— Xin bà hãy nói, tôi lắng tai nghe.

Bà Hậu-tước ngó Fouquet, cặp mắt vừa hữu tình vừa buồn bực:

— Ôi, tôi rất muốn ở vào địa-vị cái người có quyền thấy mặt ngài trong mỗi phút, nói chuyện với ngài trong mỗi lúc! Tôi lại muốn làm cái người giữ vận-mạng cho ngài, cái người mà không cần tới những máy-móc bí-mật này để kêu ngài, để làm cho lộ dạng người thương, để nhieu mặt trong một đôi giờ, rồi kể thấy người mất dạng trong tâm-tôi một cách bí-mật hơn cái lúc mới tới nữa. Ở vào địa-vị người đàn-bà ấy thật có phước không biết chừng nào!

Fouquet mỉm cười, hỏi:

— Bà nói vậy là cố ý nói tới nội-nhân của tôi phải chăng?

— Phải, ý tôi muốn nói như vậy.

— Xin bà chờ nên trước-ao cái địa-vị của nội-nhân tôi. Tôi thú-thật rằng trong những người đàn-bà đã từng giao-thiệp với tôi, vợ tôi là người ít có dịp nhứt để thấy mặt tôi, nói chuyện cùng tôi hay là bày tỏ tâm-sự với tôi.

— Tuy vậy mà tình phu-nhân khỏi phải như tôi đã làm, nhận máy trong khuôn kiển để kêu ngài. Ngài lại cũng khỏi phải dùng chông bí-mật để trả lời. Ngài khỏi phải nhọc lòng hăm-dọa bắt dượng giao-thiệp với bà, nếu bà tìm hiểu và để thổ-lộ những sự bí-mật trong nhà này, theo như ngài đã căn-dặn những bà đến đây trước tôi và sẽ lặp lại với những bà đến sau tôi.

— Bà nghiêm-khắc, bắt công làm, công-kích sự bí-mật tức là không hiểu nhiều về sự cơ-giwich của nó. Chỉ có ở trong vòng bí-mật mới có thể thương nhau mà khỏi bị khuấy rối. Gây ái-tình trong cảnh êm-tĩnh mới có thể gọi là hạnh-phúc được. Nhưng thôi, tạm gạt việc ấy lại. Khi này bà nói đến hai tiếng tận-tâm, vậy tôi có thể nào làm tưởng rằng tận-tâm-ấy có nghĩa là ái-tình chăng?

(Còn nữa)



Agents Exclusifs : BOY-LANDRY

Tinh-thần quốc-gia của giáo-viên

(Tiếp theo trang 7)

nguyện của tinh-thần, một tinh-thần quốc-gia.

Có người bảo: « Nghề thầy giáo là bội-bạc ». Nói đến bội-bạc thì tất nhiên là nói đến người đã thọ: chính ở đám trẻ mà ta đã dạy dỗ, uốn-nắn. Song đây là một nguyên do mà tôi nhắc lại cho các vị xem thử: Thầy giáo, có bổn phận, không phải chỉ chuyên một việc mở mang trí tuệ đưa trẻ mà thôi, nhưng còn phải đào luyện tinh-thần, đào-tạo đức-tánh đưa trẻ nữa. Tinh-thần của đứa trẻ là tinh-thần của thầy giáo. Nếu đứa trẻ ấy đã tỏ ra một chỗ thiếu kém về tinh-thần, ta chỉ nên bảo rằng: « Chính ta cần phải cố gắng hơn nữa để bù lại chỗ thiếu kém tinh-thần cho đám trẻ ta sắp dạy dỗ ngày sau.

Và lại, đó là những chi-tiết nhỏ đặc một bên nhiệm-vụ lớn, chúng ta không nên vì đều nhỏ mọn ấy mà ngã lòng trước nhiệm-vụ lớn của ta.

Hiện nay, nước ta đang cần dùng sự mở mang tiến-hóa. Thầy giáo là người vun-trồng và dẫn đường cho tương-lai nước nhà.

Trong các nước, những người tu như các ông cố-đạo, các bà Phước cũng đều là người lo giúp ích quốc-gia. Các bà Phước lo nuôi nấng trẻ con dạy dỗ chúng nó. Các ông cố-đạo vẫn phát minh những công trình tiến-hóa, văn-học.

Vì tinh-thần quốc-gia của họ đã đề trên cả mọi sự.

Vậy ta có nên vì quốc-gia mà yêu nghề, tận tâm với nhiệm-vụ? Vì chỉ có thầy giáo là người di-hóa cái tinh-thần tốt đẹp của mình được thành công, làm một kẻ dẫn đường cho thanh-niên: tương-lai. Quốc-gia, đến chỗ sáng sủa rất đặc lực.

Nhiệm-vụ ấy, nếu địa-vị ta không cho ta đi đến mục-đích, ta sẽ chỉ về cho « đám con tinh-thần » của ta con đường sắp bước.

Có ai là thần-linh của trẻ em hơn là thầy giáo? Lời dạy khuyên của thầy đối với học-trò như là một mạng lưới thiêng-liêng. Thị cái trí não ấy, cái tinh-thần ấy có phải nơi ta đã đào tạo và dẫn dắt đến một nẻo quang-minh, tốt đẹp.

PHƯƠNG THUỐC HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiệt nặng như tiếng tắc, mặt và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ bớt trong một lúc, không hết; chờ còn bệnh ho chưa thiệt nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đả, ho phong vân... vân... thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phôi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia nhâm mỗi ve uống một tuần thì giá 14 \$ 00. Tùy bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuan trường đỏi đàm trong phổi ra đại trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư kể thật rõ bệnh, đề: Gởi Monsieur NGUYỄN-VAN-SÁNG Ctre R. Cựu Hương-giáo làng Tân-Quới Boite postale n° 10 (CANTHO)

NOTA. — Thưa quý ông, quý bà! Số thuốc dự trữ cuối tháng chạp Annam thì hết. Số thuốc mới tinh nhâm mỗi ve mắc hơn trước 2\$ 00, tức là 14\$ 00. Vậy cầu sớm Annam mỗi hộp từ h 14\$ 00.



Cái tinh-thần quốc-gia, là nghị đến tương-lai của xứ sở. Nghị đến tương-lai xứ sở là nghị đến đoàn trẻ em hiện giờ mỗi ngày đang cắp sách vào trường.

Muốn cho tương-lai của đám trẻ, là tương-lai của xứ sở, cũng như những mầm giống nhỏ bé được nảy-nở ra những hoa trái rườm-rà mai sau, ta phải cần tận tâm sang sỏi trí não của ta, tinh-thần của ta, trong bổn-phận và ngoài bổn-phận cho đám trẻ ấy, vì ta vẫn nghĩ rằng: « Mỗi đứa trẻ của ta dạy là một người của ta làm nên ».

PHẠM-VĂN-THÀNH
Giáo-viên (Châu-Độc)